**2.** Dùng thể khẳng định hoặc phủ định để trả lời các câu hỏi sau :

a) 你喜欢游泳吗？

b) 王兰喜欢乒乓球吗？

c) 弟弟喜欢小黄狗吗？

d) 你会不会打毛衣？

**3.** Thay thế các từ ngữ in đậm để tạo thành câu mới :

除了汉语以外，他还学习英语。

| | |
|---|---|
| 乒乓球 | 打排球 |
| 排球 | 游泳 |
| 电视 | 看电影 |
| 皮鞋 | 买毛衣 |

LIVEWORKSHEETS